

Bản án số: 80/2024/HS-PT
Ngày: 02-8-2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Bà Hoàng Thị Thuý Lành

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Đỗ Hoàng Quốc D, Trần Thành C, Lê Khánh L1, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thành L**, (Tên gọi khác: **T3**), sinh năm: 1986. Nơi cư trú: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông **Nguyễn Thành T4** (chết) và bà **Nguyễn Thị H**; có vợ tên **Lê Thị Kim N1**; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 11/4/2023, **Công an xã T** xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc trái phép, đã đóng phạt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/9/2023 đến ngày 28/12/2023 thì được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. **Nguyễn Hữu T**, (Tên gọi khác: **R**), sinh năm: 1993. Nơi cư trú: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông **Nguyễn Văn C1** và bà **Lê Thị P**; có vợ tên **Bùi Thị Diễm H1**; có 01 con tên **Nguyễn Ngọc Hoàng K**, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến ngày 29/9/2023, thì được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. **Nguyễn Thành N**, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: **Áp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông **Nguyễn Thành N2** và bà **Trần Mộng Thùy D1**; có vợ tên **Trần Thị Thu N3**; có 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến ngày 11/10/2023, thì được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. **Huỳnh Minh L2**, (Tên gọi khác: **R1**), sinh năm: 1990. Nơi cư trú: **Áp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông **Huỳnh Minh Q** và bà **Nguyễn Kim H2**; có vợ tên **Huỳnh Thị Hồng V**; Có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2023 đến ngày 06/8/2023, thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. **Trần Thành C**, (Tên gọi khác: **Tài N4**), sinh năm: 2000. Nơi cư trú: **Khu phố C, thị trấn T, T, Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm mướn; con ông **Trần Thanh S** và bà **Lữ Thị Kim T5**; có em tên **Trần Tường V1**, sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2023 đến ngày 06/8/2023, thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. **Lê Khánh L1**, sinh năm: 1994. Nơi thường trú: **Áp E, xã A, huyện B, tỉnh Long An**; chỗ ở hiện nay: **Áp K, xã B, huyện B, tỉnh Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông **Lê Tấn T6** và bà **Võ Thị P1**; có vợ tên **Huỳnh M**; có 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến ngày 13/11/2023, thì được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh, có mặt.

7. **Nguyễn Minh T1**, (Tên gọi khác: **T7**), sinh năm: 1993. Nơi cư trú: **Khu phố C, thị trấn T, T, Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông **Nguyễn Công D2** và bà **Nguyễn Thị Bích T8**; có vợ tên **Huỳnh Thị Thanh H3**; có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2023 đến ngày 06/8/2023, thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. **Đỗ Hoàng Quốc D**, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: **Áp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông **Đỗ Hoàng L3** và bà **Dương Thị Ngọc B1**; có vợ tên **Nguyễn Thị Huế H4**; có con tên **Đỗ Gia B2**, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2023 đến ngày 07/8/2023, thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. **Huỳnh Minh Q**, (Tên gọi khác: **T9**), sinh năm: 1970. Nơi cư trú: **Áp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông **Huỳnh Văn C2** và bà **Nguyễn Thị H5**; có vợ tên **Nguyễn Kim H2**; có 02 người con, lớn sinh năm

1988, nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. **Huỳnh Minh T2**, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: **Ấp K, xã B, huyện B, tỉnh Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông **Huỳnh Văn N5** và bà **Phan Thị L4**; có vợ tên **Huỳnh Thị Huyền T10**; có con tên **Huỳnh Ngọc Gia H6**, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

11. **Phan Văn B**, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: **Ấp E, xã B, huyện B, tỉnh Long An**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm vườn; con ông **Phan Văn T11** và bà **Hồ Thị Ngọc O**; có vợ tên **Võ Thị Lệ M1**; có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Ngoài ra, còn có 09 bị cáo khác là **Lý Nguyễn K1**, **Lê Minh H7**, **Võ Quốc T12**, **Huỳnh Văn B3**, **Lý Thành H8**, **Nguyễn Giang S1**, **Trần Phát T13**, **Bạch Hoàng H9**, **Lê Thanh K2** không kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị không triệu tập.

Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo không triệu tập:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: **Nguyễn Văn T14**, **Đỗ Túy M2**, **Nguyễn Văn S2**, **Lê Tuấn A**, **Trần Minh T15**, **Nguyễn Thị Yến L5**, **Huỳnh Văn L6**, **Phạm Văn K3**, **Trần Minh N6**, **Trần Mộng Quốc T16**, **Nguyễn Phú T17**, **Nguyễn Thị Thanh T18**, **Hồ Lê Đăng K4**, **Nguyễn Văn N7**, **Đặng Quốc Đ**, **Nguyễn Thị Đ1**, **Nguyễn Ngọc T19**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2023, do cần có tiền tiêu xài nên **Nguyễn Thành L** (Tủn) rủ **Nguyễn Hữu T** (R) và **Nguyễn Thành N** cùng nhau tổ chức đánh bạc trái phép dưới hình thức đá gà thắng thua bằng tiền trái phép. **L** (T3) và **T** (Ruồi) dọn bãi đất trống của ông **Nguyễn Văn S2** ở **ấp E, xã T, huyện T** và mua các dụng cụ như: bàn, ghế, chạ gà, băng keo, cân đồng hồ, tấm nhựa trong... để phục vụ cho việc tổ chức đá gà. Luân sẽ lôi kéo, rủ rê các con bạc có gà đến để đá (kéo gà), canh đường, canh ông **S2** không có ở nhà để tổ chức đá gà, **T** kéo gà, cân gà, cấp gà, làm trọng tài và thu tiền xâu 05% trên tổng số tiền cá cược từ các con bạc. **N** được **L** (T3) thuê phụ giúp như phát băng keo để băng chạ gà, chở nước cho các chủ gà tắm gà với số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng một ngày.

Khoảng 11 giờ ngày 28/7/2023, **L** (T3), **N** và **T** (Ruồi) tiếp tục mang các dụng cụ đến bãi đất trống của ông **S2** để tổ chức 03 trận đá gà thắng thua bằng tiền trái phép cụ thể như sau:

Trận thứ nhất: **L (T)** cáp độ cho gà tre màu đỏ đen, trọng lượng 1,21kg của **Đỗ Hoàng Quốc D** đá với gà màu vàng xám, trọng lượng 1,18kg của **Lê Khánh L1**, số độ gồm: (sổ trong) là 2.000.000 đồng, (sổ ngoài) là 6.000.000 đồng, do gà của **D** nặng hơn nên chấp gà của **L1** 10 ăn 8,5, tổng số tiền cá cược trong trận gà này là 14.800.000 đồng. Hai bên chủ gà tự mang theo cựa, **N** cung cấp băng keo, nước tắm cho các chủ gà, **T (Ruồi)** làm trọng tài.

- Bên gà của **D: Trần Thành C (T)** ôm gà cho **D** trông cựa và thả gà, **D** tham gia cá cược sổ trong là 2.000.000 đồng, **C** tham gia sổ ngoài 2.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng không rõ người tham gia.

- Bên gà của **L1: Lê Thanh K2** ôm gà cho **L1** trông cựa và thả gà, những người tham gia cá cược gồm: **L1** 2.550.000 đồng; **Huỳnh Minh T2** 2.550.000 đồng được **Phan Văn B** cho mượn tiền đưa cho bên thắng nếu **T2** bị thua; **K2** 850.000 đồng; một người không rõ lai lịch tham gia 850.000 đồng.

- Kết quả: gà **L1** thắng, **T (R)** lấy tiền bên thắng đưa cho **B**, thu tiền xâu được 400.000 đồng. Số tiền thắng cược còn lại 7.600.000 đồng, **B** chia cho **K2** 900.000 đồng, một người không rõ lai lịch: 900.000 đồng, **B** đưa số tiền còn lại là 5.800.000 đồng cho **L1**. Sau đó, **L1** điện thoại báo cho **T2** biết gà thắng cược, **T2** kêu **L1** lấy tiền thắng cược 2.000.000 đồng, trả tiền **T2** nợ **B**, còn lại 3.800.000 đồng **L1** tiêu xài hết. **Nguyễn Văn T14**, bắt bên gà **D** với số tiền 500.000 đồng, không qua biện với một người không rõ lai lịch, kết quả bị thua 500.000 đồng.

Trận thứ hai: Do **T (R)** và **L (Tùn)** tổ chức nên nhờ bị can **Lý Nguyễn K1 (D3)** cáp gà điều cân nặng 3kg của nhóm **T (R)** và **L (Tùn)**. **T (R)** cáp độ đá đồng, gà điều cân nặng 3kg của **K1** đá với gà bông có cùng trọng lượng của bị can **Nguyễn Minh T1 (Trừ)**, Tổng số tiền cá cược trận gà này là 6.000.000 đồng, do **T (Ruồi)** làm trọng tài.

- Bên gà của **K1 (D3): Lý Thành H8 (Tùng Nhông)** ôm gà cho **K1 (D3)** trông cựa và thả gà, **T (R)** và **L** mỗi người tham gia 1.500.000 đồng.

- Bên gà của **T1 (Trừ): Huỳnh Minh Q (T19)** ôm gà cho bị can **Huỳnh Minh L2 (Ruột)**, băng cựa và thả gà. **T1 (T7)** tham gia số tiền 3.000.000 đồng.

- Kết quả: Gà của **T1** thắng số tiền 3.000.000 đồng. **T (R)** lấy tiền xâu là 200.000 đồng, còn lại 2.800.000 đồng.

Trận thứ 3: **L2 (T3)** cáp độ gà điều xanh, cân nặng 2,84kg của **Nguyễn Giang S1 (Tùng việt kiều)** đá với gà khét cân nặng 2,9kg của **L2 (Ruột)**. Do gà của **L2 (R1)** nặng hơn nên chấp gà của **S1** 10 ăn 9, tổng số tiền sổ trong của trận gà này là 5.700.000 đồng.

- Bên gà của **S1 (Tùng việt kiều)**: do **Võ Quốc T12** ôm gà cho **Lê Minh H7 (H)** trông cựa. Ban đầu, **T12** đưa gà vào sân nhử, sau đó **S1 (Tùng việt kiều)** vào nhử và thả gà; bị can **Bạch Hoàng H9** gom tiền đá sổ trong gồm: **H9** 450.000 đồng; **H7** 2.250.000 đồng.

- Bên gà của **L2 (R1)**: do **Q (T19)** ôm gà cho **L2 (R1)** trông cựa và thả gà, **L2 (R1)** gom tiền sổ gồm: **L2 (Ruột)** 1.000.000 đồng; **Q** 1.000.000 đồng; **Trần**

Phát T13 500.000 đồng; Huỳnh Văn B3 500.000 đồng. Đỗ Túy M2, bắt gà của L2 (R1) cá cược với người không rõ lai lịch, không qua biện với số tiền 500.000 đồng. Ngoài ra, H9 còn khai nhận: H9 tiếp tục gom sỏ ngoài được thêm 22.000.000 đồng gồm: L2 (Tủn) 5.000.000 đồng, H9 7.000.000 đồng, H10 10.000.000 đồng.

Trong lúc hai con gà đang chuẩn bị đá thì lực lượng công an vào bắt quả tang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Thành N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo: Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Lê Thanh K2, Phan Văn B, Lý Nguyễn K1, Lý Thành H8, Nguyễn Thành L (Tủn), Nguyễn Hữu T (R), Nguyễn Minh T1 (T), Huỳnh Minh L2 (R), Huỳnh Minh Q, Huỳnh Văn B3, Trần Phát T13, Lê Minh H7, Nguyễn Giang S1, Bạch Hoàng H9, Võ Quốc T12 phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L (tên gọi khác: Tủn) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L (tên gọi khác: T3) 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 02 (hai) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2023 đến ngày 28/12/2023.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: Ruồi) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: R) 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến ngày 29/9/2023.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Thành N 01 (một) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo

chấp hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến ngày 11/10/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo **Huỳnh Minh Q** (tên gọi khác: **T19**) 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Bị cáo **Huỳnh Minh L2** (tên gọi khác: **R1**) 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2023 đến ngày 06/8/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo **Đỗ Hoàng Quốc D** 04 (bốn) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến ngày 07/8/2023;

Bị cáo **Trần Thành C** (tên gọi khác: **T** nhỏ) 04 (bốn) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến ngày 06/8/2023;

Bị cáo **Lê Khánh L1** 05 (năm) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến ngày 13/11/2023.

Bị cáo **Huỳnh Minh T2** 05 (năm) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Minh T1** (tên gọi khác: Trù) 05 (năm) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến ngày 06/8/2023.

Bị cáo **Phan Văn B** 03 (ba) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, bị cáo **Huỳnh Minh L2**, **Nguyễn Minh T1**, **Đỗ Hoàng Quốc H11**, **Trần Thành C**, **Huỳnh Minh Q** kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 bị cáo **Huỳnh Minh T2** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là được hưởng án treo hoặc xử phạt tiền là hình phạt chính; **Phan Văn B** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là được hưởng án treo; các bị cáo **Nguyễn Thành L**, **Nguyễn Thành N**, **Nguyễn Hữu T** kháng cáo giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q, đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Thành N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo: Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q phạm tội “Đánh bạc” là đúng, không oan. Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Lê Khánh L1 có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Các bị cáo Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là cho hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q thực hiện kháng cáo đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L 01 năm 06 tháng tù; bị cáo Nguyễn Hữu T 01 năm 03 tháng tù; bị cáo Nguyễn Thành N 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Huỳnh Minh Q, Huỳnh Minh L2, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T mỗi bị cáo 06 tháng tù; bị cáo Huỳnh Minh T2, Nguyễn Minh T1, Lê Khánh L1 mỗi bị cáo 05 tháng tù; các bị cáo Đỗ Hoàng Quốc H11, Trần Thành C mỗi bị cáo 04 tháng tù; bị cáo Phan Văn B 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Lê Khánh L1 kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; các bị cáo Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt khác nhẹ hơn. Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng:

- Đối với các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N: Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” là có căn cứ, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản

1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không đúng, bởi lẽ sự việc đang diễn ra liên tục và chưa kết thúc thì đã bị bắt quả tang. Mặt khác, các bị cáo **L, T, N** đều có bổ sung tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên chấp nhận kháng cáo giảm một phần hình phạt tù về tội “Tổ chức đánh bạc” cho bị cáo **L, T**. Đối với bị cáo **N**, xét thấy bị cáo giúp sức cho bị cáo **L, T** với vai trò không đáng kể (phát băng keo để băng cửa gà, chõ nước tắm gà), bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để được hưởng án treo, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo **N** hưởng án treo.

- Đối với các bị cáo **Huỳnh Minh Q, Huỳnh Minh L2** kháng cáo có bổ sung tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; do đó chấp nhận kháng cáo, đề nghị xử phạt tiền bị cáo **Q** và bị cáo **L2**.

- Đối với các bị cáo **Đỗ Hoàng Quốc D, Huỳnh Minh T2** kháng cáo có bổ sung tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo, do đó chấp nhận kháng cáo, đề nghị cho các bị cáo hưởng án treo.

- Đối với bị cáo **Phan Văn B** kháng cáo có bổ sung tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo **B** phạm tội với vai trò giúp sức nên chấp nhận kháng cáo, chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

- Đối với bị cáo **Nguyễn Minh T1** kháng cáo bổ sung Giấy khai sinh con của bị cáo; bị cáo **Trần Thành C**, không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới; nhưng xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện hưởng án treo. Do đó có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo, cho các bị cáo **T1, C** hưởng án treo.

- Đối với bị cáo **L1** kháng cáo bổ sung đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn. Xét thấy, bị cáo tham gia đánh bạc số tiền không lớn, nên cần xem xét giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo, do đó kháng cáo của bị cáo cũng có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b khoản 1 Điều 355 và các điểm c, đ, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q**. Đề nghị:

- Giảm một phần hình phạt cho bị cáo **Nguyễn Thành L** và **Nguyễn Hữu T** đối với tội “Tổ chức đánh bạc”, đề nghị xử phạt bị cáo **L** từ 1 năm đến 01 năm 03 tháng tù, bị cáo **T** 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, giữ nguyên hình phạt đối với tội “Đánh bạc”.

- Giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo **Nguyễn Thành N, Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh T2**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm.

- Chuyển hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo: **Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q**, đề nghị phạt mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Chuyển hình phạt khác nhẹ hơn đối với bị cáo **Phan Văn B**, đề nghị phạt bị cáo 9 tháng cải tạo không giam giữ.

- Giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **Lê Khánh L1**, đề nghị xử bị cáo **L1** bằng với thời gian đã tạm giam.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo **Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q** kháng cáo trong thời hạn của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Các bị cáo **Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q** đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Do cần có tiền tiêu xài nên bị cáo **Nguyễn Thành L** rủ **Nguyễn Hữu T** và **Nguyễn Thành N** cùng nhau tổ chức đánh bạc trái phép dưới hình thức đá gà thắng thua bằng tiền trái phép. Thành Luân và **T** dọn bãi đất trống của ông **Nguyễn Văn S2** và mua các dụng cụ như: bàn, ghế, chĩa gà, băng keo, cân đồng hồ, tấm nhựa trong...để phục vụ cho việc tổ chức đá gà. Luân sẽ lôi kéo, rủ rê các con bạc có gà đến để đá (kéo gà), canh đường, canh ông **S2** không có ở nhà để tổ chức đá gà, **T** kéo gà, cân gà, cấp gà, làm trọng tài và thu tiền xâu 05% trên tổng số tiền thắng cược từ các con bạc. **N** được **Thành L** thuê phụ giúp như phát băng keo để băng chĩa gà, chở nước cho các chủ gà tắm gà với số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/ngày. Ngày 28/7/2023 các bị cáo **Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T** và **Nguyễn Thành N** tổ chức 03 trận đá gà thắng thua bằng tiền trái phép cho các con bạc tham gia. Trong đó, **Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Lê Thanh K2, Phan Văn B** tham gia trận thứ nhất với số tiền 14.800.000 đồng; **Lý Nguyễn K1, Lý Thành H8, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q** tham gia trận thứ hai với số tiền 6.000.000 đồng; **Huỳnh Minh L2 (Ruột), Huỳnh Minh Q, Huỳnh Văn B3, Trần Phát T13, Lê Minh H7, Nguyễn Giang S1, Bạch Hoàng H9, Võ Quốc T12** tham

gia trăn thứ ba với số tiền 5.700.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Thành N có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Lê Thanh K2, Phan Văn B, Lý Nguyễn K1, Lý Thành H8, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q, Huỳnh Văn B3, Trần Phát T13, Lê Minh H7, Nguyễn Giang S1, Bạch Hoàng H9, Võ Quốc T12 có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q có kháng cáo bản án sơ thẩm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Nguyễn Thành L và Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Huỳnh Minh Q và Huỳnh Minh L2 có tình tiết tăng nặng thuộc trường hợp “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Minh T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đỗ Hoàng Quốc D, Trần Thành C, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Minh T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh Q, Huỳnh Minh L2, Phan Văn B đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Hữu T 01 năm 03 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thành N 01 năm về tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Huỳnh Minh Q, Huỳnh Minh L2, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T mỗi bị cáo 06 tháng tù; các bị cáo Huỳnh Minh T2, Nguyễn Minh T1, Lê Khánh L1 mỗi bị cáo 5 tháng tù; các bị cáo Đỗ Hoàng Quốc D, Trần Thành C mỗi bị cáo 04 tháng tù; bị cáo Phan Văn B 03 tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thành N, Lê Khánh L1 kháng cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; các bị cáo Huỳnh Minh T2, Nguyễn Minh T1, Đỗ Hoàng Quốc D, Trần Thành C, Huỳnh Minh Q, Huỳnh Minh L2, Phan Văn B yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là cho hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T: Các bị cáo L, T kháng cáo có bổ sung tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình có khó khăn là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo. Ngoài ra, hành vi tổ chức đánh bạc của các bị cáo diễn ra liên tục, chưa kết thúc thì bị bắt quả tang mà cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng

nặng là “Phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không đúng quy định pháp luật, bất lợi cho các bị cáo, nên có căn cứ giảm một phần hình phạt cho các bị cáo đối với tội “Tổ chức đánh bạc”. Đối với tội “Đánh bạc” thì mức hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo là mức thấp nhất của khung hình phạt nên không có căn cứ giảm nhẹ. Trong vụ án này, các bị cáo phạm cùng lúc 2 tội, trong đó tội “Tổ chức đánh bạc” là tội phạm nghiêm trọng nên các bị cáo không có đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, nên không có căn cứ cho các bị cáo được hưởng án treo theo yêu cầu của các bị cáo.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thành N**: Bị cáo kháng cáo có bổ sung tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 02 con còn nhỏ đang bị bệnh, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như nhận định ở đoạn [5], bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc” mà cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 2 lần trở lên” là không đúng quy định pháp luật. Mặc khác, hành vi phạm tội của bị cáo có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo **L**, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách tương ứng đối với bị cáo, thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó, nên chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Thành Nghĩa I** có căn cứ.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo **Trần Thành C**, **Đỗ Hoàng Quốc D**, **Nguyễn Minh T1**, **Huỳnh Minh T2**: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra. Các bị cáo **D**, **T2** kháng cáo có bổ sung hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo **T1** đang nuôi con còn nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách tương ứng đối với các bị cáo, thì các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó, nên chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo **Trần Thành C**, **Đỗ Hoàng Quốc D**, **Nguyễn Minh T1**, **Huỳnh Minh T2** là phù hợp.

[8] Xét yêu cầu kháng cáo các bị cáo **Huỳnh Minh L2**, **Huỳnh Minh Q**: Các bị cáo phạm tội bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 2 lần trở lên” theo quy

định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo chỉ 1 lần trực tiếp đánh bạc và 01 lần giúp sức cho các bị cáo khác đánh bạc, không tham gia cá cược mà chỉ ôm gà để trông chừng gà và thả gà. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa trong xã hội.

[9] Xét kháng cáo của bị cáo **Phan Văn B**: Bị cáo kháng cáo có bổ sung tình tiết là gia đình có hoàn cảnh khó khăn, con còn nhỏ, cha mẹ đều lớn tuổi là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo. Đối với hành vi của bị cáo không trực tiếp đánh bạc mà giúp sức cho các bị cáo **T2** và **L1** trong trận gà thứ nhất như cho bị cáo **T2** mượn tiền cá cược, gom tiền các con bạc bên gà của bị cáo **L1**. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể nên áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ nên cũng đủ răn đe và cải tạo bị cáo.

[10] Xét kháng cáo của bị cáo **Lê Khánh L1**: Mức hình phạt mà Tòa án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo có bổ sung tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo, nên có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng cho bị cáo mức hình phạt bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là phù hợp.

[11] Từ những phân tích trên, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và các điểm c, đ, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Thành L**, **Nguyễn Hữu T**, **Nguyễn Thành N**; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Thành C**, **Đỗ Hoàng Quốc D**, **Lê Khánh L1**, **Huỳnh Minh T2**, **Phan Văn B**, **Nguyễn Minh T1**, **Huỳnh Minh L2**, **Huỳnh Minh Q**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, giảm hình phạt cho các bị cáo **Nguyễn Thành L**, **Nguyễn Hữu T**, **Lê Khánh L1**; giữ nguyên hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo **Trần Thành C**, **Đỗ Hoàng Quốc D**, **Huỳnh Minh T2**, **Nguyễn Minh T1**; chuyển hình phạt khác nhẹ hơn đối với các bị cáo **Phan Văn B**, **Huỳnh Minh L2**, **Huỳnh Minh Q**, như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà là có căn cứ.

[12] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo **Nguyễn Thành L**, **Nguyễn Hữu T**, **Nguyễn Thành N**, **Trần Thành C**, **Đỗ Hoàng Quốc D**, **Lê Khánh L1**, **Huỳnh Minh T2**, **Phan Văn B**, **Nguyễn Minh T1**, **Huỳnh Minh L2**, **Huỳnh Minh Q** không thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[13] Các khoản khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c, đ, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Thành L**, **Nguyễn Hữu T**.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Thành N**, **Trần Thành C**, **Đỗ Hoàng Quốc D**, **Lê Khánh L1**, **Huỳnh Minh T2**, **Phan Văn B**, **Nguyễn Minh T1**, **Huỳnh Minh L2**, **Huỳnh Minh Q**.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, giảm hình phạt cho các bị cáo **Nguyễn Thành L**, **Nguyễn Hữu T**, **Lê Khánh L1**; giữ nguyên hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo **Nguyễn Thành N**, **Trần Thành C**, **Đỗ Hoàng Quốc D**, **Huỳnh Minh T2**, **Nguyễn Minh T1**; chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo **Phan Văn B**; chuyển hình phạt tiền đối với các bị cáo **Huỳnh Minh L2**, **Huỳnh Minh Q**.

Tuyên bố các bị cáo: **Nguyễn Thành L**, **Nguyễn Hữu T** và **Nguyễn Thành N** phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo: **Trần Thành C**, **Đỗ Hoàng Quốc D**, **Lê Khánh L1**, **Huỳnh Minh T2**, **Phan Văn B**, **Nguyễn Thành L**, **Nguyễn Hữu T**, **Nguyễn Minh T1**, **Huỳnh Minh L2**, **Huỳnh Minh Q** phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành L** 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành L** 06 (S3) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Nguyễn Thành L** phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian từ ngày 28/9/2023 đến ngày 28/12/2023 đã tạm giữ, tạm giam.

1.2. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T** 01 (Một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T** 06 (S3) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Nguyễn Hữu T** phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian từ ngày 28/7/2023 đến ngày 29/9/2023 đã tạm giữ, tạm giam.

1.3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành N** 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo **Nguyễn Thành N** về Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Hoàng Quốc D** 04 (B4) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo **Đỗ Hoàng Quốc D** về Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thành C** 04 (B4) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo **Trần Thành C** về Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Minh T2** 05 (Năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo **Huỳnh Minh T2** về Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T1** 05 (Năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm, được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo **Nguyễn Minh T1** về Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 50; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phan Văn B** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày **Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Long An** nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Giao bị cáo **Phan Văn B** về **Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Long An** để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Bị cáo **Phan Văn B** phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Minh Q** số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Minh L2** số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Khánh L1** 03 (Ba) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được khấu trừ thời gian từ ngày 28/7/2023 đến ngày 13/11/2023 đã tạm giữ, tạm giam (Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù).

2. Về án phí: Các bị cáo **Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Thành N, Trần Thành C, Đỗ Hoàng Quốc D, Lê Khánh L1, Huỳnh Minh T2, Phan Văn B, Nguyễn Thành L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Minh T1, Huỳnh Minh L2, Huỳnh Minh Q** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long an;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Long An
- TAND cấp huyện;
- VKSND cấp huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng